

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH L**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 49/2021/DS-ST

Ngày: 28-10-2021

V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh L1.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Nh.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Đ.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Tuấn A – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện M.

Trong ngày 28 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 67/2021/TLST-DS, ngày 01 tháng 7 năm 2021, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2021/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn C, sinh năm 1988; địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn Bình Phong Th, huyện M, tỉnh L.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thành H, sinh năm 1960; địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn Bình Phong Th, huyện M, tỉnh L.

Văn bản ủy quyền ngày 04/6/2021.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Lê Phước L2, sinh năm 1980;

2.2. Bà Võ Minh K, sinh năm 1984;

Cùng địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn Bình Phong Th, huyện M, tỉnh L.

Ông H có mặt; ông L2 và bà K vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn C: Ông Nguyễn C yêu cầu ông Lê Phước L2 và bà Võ Minh K phải liên đới trả cho ông C số tiền 37.819.000 đồng, gồm tiền gốc 29.500.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 13/11/2019 đến ngày 28/10/2021, theo lãi suất 1,2%/tháng, thành tiền là 8.319.000 đồng; yêu cầu phải trả một lần.

Đề nghị của ông Lê Phước L2 và bà Võ Minh K: Ông L2 và bà K vắng mặt, không có ý kiến.

Các tài liệu, chứng cứ do ông Nguyễn C: Giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu (bản sao), biên nhận (bản chính), bản tự khai.

Các tài liệu, chứng cứ do ông Lê Phước L2 và bà Võ Minh K: Không có.

Các tình tiết của vụ án:

Các tình tiết ông Hữu đại diện ông Nguyễn C trình bày:

Vào ngày 13/11/2019, ông C cho ông L2 và bà K vay số tiền 29.500.000 đồng để làm vốn mua bán tạp hóa, thời hạn 06 tháng trả, lãi suất 1,2%/tháng, hai bên có làm giấy vay tiền cùng ngày, có chữ ký của ông L2 và bà K. Đến nay đã quá hạn mà ông L2 và bà K không trả, nay ông C yêu cầu trả số tiền gốc 29.500.000 đồng và lãi tính từ ngày vay đến ngày xét xử 28/10/2021, thành tiền là 8.319.000 đồng, tổng cộng gốc và lãi ông Nguyễn C yêu cầu ông Lê Phước L2 và bà Võ Minh K trả số tiền là 37.819.000 đồng.

Ông C xác định không còn người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Ông C đề nghị không công khai bản án trên cổng thông tin điện tử tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1]. *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:* Quan hệ pháp luật là “Hợp đồng vay tài sản” được quy định tại Bộ luật dân sự. Ông Lê Phước L2 và bà Võ Minh K có địa chỉ tại thị trấn Bình Phong Th, huyện M, tỉnh L nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về việc giải quyết vắng mặt ông Lê Phước L2 và bà Võ Minh K:* Ông L2 và bà K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần theo quy định của pháp luật nhưng vẫn cố tình vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông L2 và bà K.

[3]. *Về yêu cầu đòi tiền gốc của ông Nguyễn C:*

[3.1]. Ông Nguyễn C khởi kiện và cung cấp chứng cứ là biên nhận nợ tiền; ông Lê Phước L2 và bà Võ Minh K vắng mặt, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và cũng không có ý kiến phản bác yêu cầu khởi kiện của ông C nên Tòa án căn cứ vào lời trình bày cùng tài liệu, chứng cứ của ông C cung cấp để giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3.2]. Theo nội dung giấy vay tiền ngày 13/11/2019 thể hiện, vào ngày 13/11/2019, ông C có cho ông L2 và bà K vay số tiền 29.500.000 đồng, thời hạn 06 tháng trả, đến nay ông L2 và bà K chưa trả, trên giấy vay tiền có đầy đủ chữ ký của ông L2 và bà K.

[3.3]. Từ những nhận định trên, căn cứ quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, Điều 466, Điều 470 Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C đối với ông L2 và bà K, buộc ông L2 và bà K có nghĩa vụ trả cho ông C số tiền 29.500.000 đồng.

[4]. *Về yêu cầu đòi tiền lãi của ông Nguyễn C:*

Theo nội dung giấy vay tiền ngày 13/11/2019 thể hiện giữa ông C và ông L2 và bà K có thỏa thuận lãi suất 1,2%/tháng. Ông C yêu cầu đòi tiền lãi và lãi suất hai bên thỏa thuận phù hợp quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự nên chấp nhận, tiền lãi được tính như sau: 29.500.000 đồng x 23 tháng 15 ngày (từ 13/11/2019 đến 28/10/2021) x 1,2%/tháng = 8.319.000 đồng.

[5]. *Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền:* Được áp dụng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[6]. *Về thời gian trả và cách thức trả:* Ông C yêu cầu trả một lần, ông L2 và bà K vắng mặt, không có ý kiến nên xem như các đương sự không thỏa thuận được, vấn đề này thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan Thi hành án dân sự nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[7]. *Về án phí:* Ông Lê Phước L2 và bà Võ Minh K phải chịu số tiền 1.891.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn C không phải chịu án phí nên được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ các Điều 357, 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự, xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về tranh chấp hợp đồng vay tài sản của

ông Nguyễn C đối với ông Lê Phước L2 và bà Võ Minh K, buộc ông L2 và bà K có nghĩa vụ liên đới trả cho ông C số tiền gốc 29.500.000 (hai mươi chín triệu năm trăm ngàn) đồng, số tiền lãi 8.319.000 (tám triệu ba trăm mười chín ngàn) đồng, tổng cộng là 37.819.000 (ba mươi bảy triệu tám trăm mười chín ngàn) đồng.

2. Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí , căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

3.1. Buộc ông Lê Phước L2 và bà Võ Minh K phải liên đới chịu số tiền 1.891.000 (một triệu tám trăm chín mươi một ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Ông Nguyễn C không phải chịu án phí, hoàn trả cho ông C số tiền 906.000 (chín trăm lẻ sáu ngàn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000287 ngày 22 tháng 6 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

4. Căn cứ vào các Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

5. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh L;
- VKSND tỉnh L;
- VKSND huyện M;
- CC.THADS huyện M;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh L1